

Số: 113/2026/QĐ-UCS

Về việc: Công bố công khai năng lực về hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ vào năng lực thiết bị và nhân lực của Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Phát triển Đô thị Việt Nam;

**1. Thông tin tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố năng lực**

- Tên tổ chức:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KHẢO SÁT VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp số 0107608746. Đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2016; Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 05 năm 2018. Cơ quan cấp: Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội

- Mã số doanh nghiệp: 0107608746

- Địa chỉ: Số 33, ngõ 102, đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 0986536587

- Web: [www.ucsvietnam.vn](http://www.ucsvietnam.vn) - Email: [Phattriendothivn@gmail.com](mailto:Phattriendothivn@gmail.com)

- Tên phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

**Phòng thí nghiệm xây dựng và kiểm định chất lượng công trình**

- Địa chỉ: Lô 26, dịch vụ 08, KĐT Tây Nam Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Thành phố Hà Nội.

## 2. Thông tin năng lực

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
<b>I</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ ĐẤT</b>			
1	Khối lượng riêng/tỷ trọng	TCVN 4195:2012;ASTM D854;AASHTO T100; TB 10102-2023	Tủ sấy, bình tỷ trọng, cân điện tử,....	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Văn Hòa</li> <li>- Nguyễn Phong Phúc</li> <li>- Lê Hoàng Chính</li> <li>- Đinh Thanh Tùng</li> </ul>
2	Độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012;ASTM D2216 ; AASHTO T265; TB 10102-2023	Tủ sấy, cân điện tử, hộp nhôm, ....	
3	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012;ASTM D4318;AASHTO T89, T90; TB 10102-2023	Thiết bị Casagrande và dao trộn, tủ sấy, hộp nhôm, sàng tiêu chuẩn, chày cối sứ, tấm kính nhám,...	
4	Thành phần hạt	TCVN 4198:2014;ASTM C136, D1140; AASHTO T27, T88; TB 10102-2023	Bộ sàng tiêu chuẩn, ống đong 1000ml, bình tam giác 250ml, tủ sấy, chày cối sứ, nước cất, tỉ trọng kế, ...	
5	Sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995;ASTM D3080; TB 10102-2023	Máy cắt phẳng ứng biến và các phụ kiện kèm theo, dao vòng, ...	
6	Tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012;ASTM D2435; AASHTO T216; TB 10102-2023	Máy nén tam liên, dao vòng, cân điện tử, ...	
7	Hệ số cố kết ngang và hệ số cố kết đứng	ASTM D4186; TB 10102-2023	Máy nén tam liên, dao vòng, cân điện tử, ...	
8	Độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; ASTM D1557; TB 10102-2023	Cối đầm, cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy, hộp nhôm, dao gạt, khay trộn mẫu, cối sứ, ...	
9	Khối lượng thể tích/dung trọng	TCVN 4202:2012; ASTM D4718, D2937; TB 10102-2023	Cân kỹ thuật, dao vòng, tấm kính, dao cắt mẫu, thước cặp, ...	
10	Hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012; ASTM D2974;	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
		AASHTO T267; TB 10102-2023	hút ẩm, cốc nhỏ, sàng, khay đựng mẫu, cốc sứ và chày sứ, ...	
11	Hàm lượng muối	TCVN 9436:2012; ASTM D2974 TB 10102-2023	Cốc mỏ 50ml, ống hút 50ml, bình hút ẩm, tủ sấy, cân kỹ thuật, dung dịch H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> 10% và nước cất,...	
12	Các đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; ASTM D4546; ASTM D4829; AASHTO T258; TB 10102-2023	Thiết bị thí nghiệm trương nở chuyên dụng, dao vòng, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, dao gạt đất, bộ dụng cụ chế bị mẫu,...	
13	Các đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012; ASTM D955, D4943, D6289; TB 10102-2023	Dao vòng, thước kẹp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, paraffin, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm, xác định khối lượng thể tích,...	
14	Đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012; TB 10102-2023	Phao nổi chuyên dụng, lưới có lỗ ô vuông, bình thủy tinh trong suốt, thiết bị dụng cụ xác định độ ẩm của đất, bình giữ ẩm, cân kỹ thuật,...	
15	Đặc trưng lún ướt	TCVN 8722:2012; ASTM D4546; TB 10102-2023	Thiết bị thí nghiệm nén lún một chiều, cối chế bị mẫu, nước sạch,...	
16	Hệ số thấm K của đất và cát	TCVN 8723:2012; ASTM D2434, D4511; AASHTO T215; TB 10102-2023	Dao vòng chứa mẫu, thiết bị thí nghiệm thấm, dụng cụ chế bị mẫu, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây, thước cặp, cân kỹ thuật, dao cắt đất, ...	
17	Sức kháng cắt không có kết - không	TCVN 8868:2011; ASTM D2850,	Máy nén ba trục, thiết bị chế	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
	thoát nước và cố kết - thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục (UU, CU, CD)	D4767; AASHTO T296; TB 10102-2023	tạo mẫu, cân kỹ thuật,...	
18	Xác định độ bền nén của đất trong điều kiện có nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166; AASHTO T208; TB 10102-2023	Máy nén, đồng hồ biến dạng, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật, khay đựng mẫu,...	
19	Sức chống cắt của đất hạt mịn mềm yếu bằng thí nghiệm cắt cánh ở trong phòng	TCVN 8725:2012; TB 10102-2023	Thiết bị cắt cánh chuyên dụng trong phòng thí nghiệm, đồng hồ đo, dụng cụ cắt đất, khay đựng mẫu, đồng hồ bấm giây,...	
20	Chỉ số CBR của đất, đá dăm	TCVN 12792:2020; ASTM D1883; AASHTO T193; TB 10102-2023	Thiết bị gia tải, đồng hồ đo biến dạng, cối CBR, tấm đệm, dụng cụ đo độ trương nở, tấm gia tải, bể ngâm mẫu, tủ sấy, cân, sàng, dụng cụ tháo mẫu,...	
21	Đầm nén đất, đá dăm	TCVN 12790:2020; AASHTO T99, T180; ASTM D698, D1557; TB 10102-2023	Cối đầm, chày đầm, dụng cụ tháo mẫu, cân, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn, thanh thép gạt, dụng cụ trộn mẫu, hộp giữ ẩm,...	
22	Mô đun đàn hồi đất, đất gia cố, cấp phối đá dăm	TCCS38:2022/TCĐBVN; AASHTO T307 TB 10102-2023	Dụng cụ chế bị mẫu, máy nén, cân kỹ thuật, tủ sấy, đồng hồ biến dạng,...	
23	Góc nghỉ của đất rời	TCVN 8724:2012; TB 10102-2023	Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên, thùng chứa nước, sàng, chày gõ, cối và chày sứ,...	
24	Khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012; ASTM D4253, D4254	Cối đầm, tủ sấy, cân kỹ thuật, sàng, khay đựng, cối	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
		TB 10102-2023	sứ, thùng đựng, thước kẹp, đồng hồ bấm giây, dao trộn đất,...	
<b>II</b>	<b>VẬT LIỆU: CÁT, ĐÁ DẼM, SỎI, CẤP PHỐI</b>			
25	Thành phần hạt và mô đun độ lớn	TCVN7572-2:2006; ASTM C136 AASHTO T27; ISO 6274:1982 TB 10102-2023	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân điện tử, tủ sấy,..	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Văn Hòa</li> <li>- Lê Hoàng Chính</li> <li>- Đinh Thanh Tùng</li> </ul>
26	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN7572-4:2006; ASTM C127, C128; AASHTO T84, T85 TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình thủy tinh có nắp đậy, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, khay đựng mẫu, sàng tiêu chuẩn, côn thử độ sụt bằng thép, ...	
27	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút ẩm của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN7572-5:2006; ASTM C127 AASHTO T85; TCVN 10321: 2014; TCVN 10322: 2014 TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân thủy tĩnh, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, thước kẹp, tủ sấy, bàn chải sắt, ...	
28	Khối lượng thể tích xốp và độ xốp	TCVN7572-6:2006; ASTM C29 AASHTO T19; TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá, ...	
29	Độ ẩm	TCVN7572-7:2006; ASTM C566; AASHTO T255; TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, khay đựng mẫu, ...	
30	Hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét trong cốt liệu nhỏ	TCVN7572-8:2006 ASTM C117, C142 AASHTO T11, T112 TB 10102-2023; TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay đựng mẫu, ...	
31	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN7572-9:2006; ASTM C40 AASHTO T21; TB 10102-2023	Ống đồng, cân kỹ thuật, bếp cách thủy, thang màu, ...	
32	Cường độ (kháng nén, kháng kéo) và hệ	TCVN7572-10:2006	Máy nén thủy lực, máy	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
	số hoá mềm của đá gốc	ASTM, D7012; TCVN 10324:2014; ASTM D2938; TB 10115-2023	khoan, máy cưa, thước kẹp, thùng ngâm mẫu, cân kỹ thuật, ...	
33	Độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN7572-11:2006; TB 10115-2023	Máy nén thủy lực, sàng tiêu chuẩn, khuôn nén đập, ...	
34	Độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn va đập Los Angeles	TCVN7572-12:2006; ASTM C131, C535; AASHTO T96, T327	Máy mài mòn Los Angeles, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn,...	
35	Hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791; AASHTO T335; TB 10102-2023 TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, thước thoi dẹt, ...	
36	Hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN7572-17:2006; ASTM C142; TB 10102-2023	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, ...	
37	Hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN7572-18:2006; TB 10102-2023; TB 10115-2023	Cân kỹ thuật, kính lúp,...	
38	Hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN7572-19:2006; TB 10102-2023	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, lò nung, bình kim loại, tủ sấy, bếp cách thủy, bình định mức, nước cất, NaOH, HCL, AgNO3, ...	
39	Hàm lượng mica	TCVN7572-20:2006; TB 10102-2023; TB 10115-2023	Cân phân tích, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, giấy nhám, đũa thủy tinh, ...	
40	Độ bền của cốt liệu trong dung dịch Na2SO4. hoặc MgSO4.	AASHTO T104; TCVN 7572-22	Cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn, thùng chứa, thiết bị điều chỉnh nhiệt độ, tỷ trọng kế, cốc thủy tinh, ...	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên	
41	Đương lượng cát (ES)	ASTM D2419; AASHTO T176	Bộ xác định đương lượng của cát, cân kỹ thuật, tủ sấy, ...		
42	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011; TB 10102-2023	Ổng đong, phễu, gá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt bằng thép, cân kỹ thuật, ...		
43	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ	TCVN 9843:2013; TB 10102-2023; TB 10115-2023	Máy nén, thiết bị và bộ khuôn tạo mẫu, đồng hồ, cân kỹ thuật, ...		
44	Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011; TB 10102-2023; TB 10115-2023	Máy nén, thiết bị và bộ khuôn tạo mẫu, đồng hồ, cân kỹ thuật, các thiết bị điều chỉnh và kiểm tra nhiệt độ, nhiệt kế, ...		
45	Xác định độ bền cắt các loại đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 10323:2014; ASTM D5607; TB 10102-2023; TB 10115-2023	Máy khoan, máy cắt, máy nén thủy lực, bộ khuôn gá, thùng ngâm mẫu, thước kẹp, đồng hồ bấm giây, ...		
46	Xác định độ góc cạnh đối với cốt liệu lớn	TCVN 11807:2017; TB 10102-2023	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, thùng đong, phễu, thanh gạt bằng thép, ...		
<b>III</b>	<b>XI MĂNG</b>				- Nguyễn Văn Hòa - Lê Hoàng Chính - Đinh Thanh Tùng
47	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C204, C430; AASHTO T133, T153, T192	Sàng tiêu chuẩn, cân, ...		
48	Giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109, D1633; AASHTO T106M/T106	Khuôn đúc mẫu, máy trộn, thiết bị dẫn, dụng cụ thử cường độ uốn, máy thử cường độ nén, ...		
49	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; ASTM C187, C191; AASHTO	Cân, ống đong có chia vạch, máy trộn, đồng hồ bấm giây,		

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
		T131, T129; ISO 9597:89	thước, ...	
<b>IV</b>	<b>VỮA XÂY DỰNG</b>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Văn Hòa</li> <li>- Lê Hoàng Chính</li> <li>- Đinh Thanh Tùng</li> </ul>
50	Kích thước hạt cốt liệu lớn nhất của vữa tươi	TCVN 3121-1:2022	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, ..	
51	Độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	Cân kỹ thuật, thước kẹp, bay, chảo trộn, bàn dần, ...	
52	Khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật, bình đong bằng kim loại, ...	
53	Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước kẹp, cân thủy tĩnh, ...	
54	Cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022	Khuôn mẫu, chày đầm mẫu, thùng bảo dưỡng, tấm kính, máy thử uốn, máy thử nén, ...	
55	Độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18: 2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, ...	
56	Độ chảy của vữa xi măng	ASTM C939	Phễu hình nón, đồng hồ bấm giây, bay, chảo, ...	
57	Độ trương nở và tách nước của vữa tươi	ASTM C940	Bình chia độ thủy tinh, 1000ml, 25ml, nhiệt kế, ...	
<b>V</b>	<b>BÊ TÔNG XI MĂNG</b>			
58	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993	Cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, khay đựng, bay, xẻng xúc hỗn hợp bê tông, ...	
59	Độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143; AASHTO T119M/T119	Côn thử độ sụt, thước lá, thanh thép tròn trơn, phễu đổ hỗn hợp, ...	
60	Khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138; AASHTO T121M/T12	Thùng kim loại, thiết bị đầm, thước lá, cân kỹ thuật, ...	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên	
61	Độ tách nước, vữa	TCVN 3109:2022; ASTM C232; AASHTO T158	Khuôn thép, bàn rung, thanh thép tròn, cân kỹ thuật, sàng tiêu chuẩn, thước lá, tủ sấy, khay sắt, ...		
62	Khối lượng riêng, độ chặt, đổ hồng	TCVN 3112:2022	Bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật, búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy, dầu hỏa, cón, sàng tiêu chuẩn, ...		
63	Độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642	Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, khăn lau mẫu, ...		
64	Khối lượng thể tích mẫu	TCVN 3115:2022; ASTM C642	Cân kỹ thuật, thước lá, bếp điện, thùng nấu, tủ sấy, ...		
65	Cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140, T24M/T24	Máy nén, thước lá, đệm truyền tải, ...		
66	Cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C78; AASHTO T97	Máy thử uốn, thép lá, ...		
67	Cường độ chịu kéo khi bẻ	TCVN 3120:2022	Máy nén, gối truyền tải, đệm gỗ, ...		
68	Cường độ mẫu lăng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022	Máy nén, biến dạng kế, thước lá, ...		
<b>VI</b>	<b>KIM LOẠI VÀ MỐI HÀN KIM LOẠI</b>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Văn Hòa</li> <li>- Lê Hoàng Chính</li> <li>- Đinh Thanh Tùng</li> </ul>
69	Kim loại – phương pháp thử kéo	TCVN 197:2014	Máy thử độ bền kéo, máy cắt, giá uốn, ...		
70	Kim loại – phương pháp thử uốn	TCVN 198:2008	Máy thử độ bền kéo, máy cắt, giá uốn, ...		
71	Mối hàn – phương pháp thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy thử độ bền kéo, máy cắt, giá uốn, ...		

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
72	Thử phá hủy mối hàn – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010; ISO 4136:2001	Máy thử độ bền kéo, máy cắt, giá uốn,...	- Nguyễn Văn Hòa - Lê Hoàng Chính - Đinh Thanh Tùng
73	Thử phá hủy mối hàn – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010	Máy thử độ bền kéo, máy cắt, giá uốn,...	
<b>VII</b>	<b>BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỬ TƯƠNG AXIT</b>			
74	Độ kim lún ở 25°C Tỷ lệ độ kim lún còn lại so với độ kim lún ban đầu ở 250C (gia nhiệt 163oC sau 5h)	TCVN 7495:2005; ASTM D5	Thiết bị kim xuyên, kim xuyên, cốc nhôm,...	
75	Điểm hóa mềm	TCVN 7497:2005; AASHTO T53; ASTM D36	Vòng chứa mẫu, bi thép, vòng dẫn hướng, bình thủy tinh, khung treo, nhiệt kế,...	
76	Điểm chớp cháy	TCVN 7498:2005; TCVN 8818-2:2011; ASTM D92; AASHTO T48	Thiết bị cốc hồ Cleveland, nhiệt kế, ngọn lửa thử,...	
77	Độ hòa tan trong Tricloretylen, N-Propyl Bromide	TCVN 7500:2023; ASTM D7553	Bộ thiết bị lọc, cốc, lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, tủ sấy, nhiệt kế, cân, bể ổn nhiệt, bình tam giác 250ml,...	
78	Khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005; ASTM D70; AASHTO T228	Tỷ trọng kế, bể ổn nhiệt, nhiệt kế,...	
79	Tổn thất khối lượng (gia nhiệt 163oC sau 5h)	TCVN 7499:2005; TCVN 11711:2017	Tủ sấy, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu,...	
80	Độ dính bám với đá	TCVN 7504:05; ASTM D3625	Dây buộc, bình thủy tinh, nước cất, bếp đun, nhiệt kế,...	
81	Độ đàn hồi ở 25oC	TCVN 11194:2017	Khuôn mẫu, kéo cắt mẫu,	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
			tấm đáy khuôn, dụng cụ gia nhiệt, cốc chứa mẫu, bể ổn nhiệt.	
82	Độ độ ổn định lưu trữ (gia nhiệt 163oC trong 48h)	TCVN 11195:2017	Ống nhôm, tủ sấy, thiết bị làm lạnh, giá đỡ, dao cắt và búa, cân,...	
83	Lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011	Sàng, khay kim loại, nhiệt kế, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, chậu đựng, dung dịch, nước cất,...	
84	Độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011	Sàng, cốc kim loại, đĩa kim loại, buret bằng thủy tinh, cân kỹ thuật, tủ sấy, dung dịch,...	
85	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011	Sàng, khay kim loại, chảo trộn, ống đong, cân kỹ thuật, tủ sấy,...	
86	Độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011	Chảo trộn, dao trộn, sàng, hệ thống phun nước, nhiệt kế, cân kỹ thuật, ống pi-pét,...	
87	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011	Cốc thủy tinh, đĩa thủy tinh, cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn,...	
88	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011	Cốc trộn, dao trộn, tủ sấy, cân kỹ thuật, khay kim loại, ống đong, nhiệt kế,...	
89	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011	Đèn bu-sen và một tấm kim loại, sàng tiêu chuẩn, cốc thủy tinh 1000ml, cốc trộn, cân kỹ thuật, dao trộn, cát chuẩn,...	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
90	Khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011	Cốc thủy tinh 400ml, ống đong 100ml, 200ml, nhiệt kế, đĩa thủy tinh, nước cất,...	
91	Khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011	Bình đong 100ml, cân kỹ thuật, bể ổn nhiệt,...	
92	Độ bám dính với cốt liệu hiện trường	TCVN 8817-15:2011	Cốc kim loại 500ml, chảo dung tích 3000ml, ống đong 50ml, dao trộn, sàng tiêu chuẩn,...	
93	Hàm lượng nước	TCVN8818-3:2011	Bình chưng cất, thiết bị gia nhiệt, ống ngưng, ống hứng, dung môi,...	
<b>VIII</b>	<b>BỘT KHOÁNG</b>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Văn Hòa</li> <li>- Lê Hoàng Chính</li> <li>- Đinh Thanh Tùng</li> </ul>
94	Thành phần hạt	TCVN12884-2:2020; ASTM D422; AASHTO T37, T88	Cân, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, bình hút ẩm bằng thủy tinh,...	
95	Độ ẩm	TCVN12884-2:2020; ASTM D2216; AASHTO T255, T265	Tủ sấy, cân điện tử, khay sấy, ....	
96	Giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012; ASTM D4318; AASHTO T89, T90	Thiết bị Casagrande và dao trộn, tủ sấy, hộp nhôm, sàng tiêu chuẩn, chày cối sứ, tấm kính nhám,...	
97	Khối lượng riêng	TCVN 8735: 2012; ASTM D854; AASHTO T100	Tủ sấy, bình tỷ trọng, cân điện tử,....	
98	Lượng mất khi nung	22 TCN 58-84	Cân kỹ thuật, chén sứ chịu nhiệt, tủ sấy, lò nung, bình hút ẩm,...	
99	Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	Cân, tủ sấy, bát sứ, chày, đĩa	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
			thủy tinh, nước cất, ống đong, dầu hỏa,...	
<b>IX</b>	<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>			
100	Độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; TCVN 8860-12: 2011; AASHTO T245; ASTM D6927	Máy nén marshall, cung lực, đồng hồ biến dạng, khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, bay trộn, cân kỹ thuật, thước kẹp, muôi múc, thìa, bay trộn, thanh gạt,...	
101	Thành phần của cốt liệu trong bê tông nhựa	TCVN 8860-3:2011; AASHTO T30	Bộ sàng, tủ sấy, cân kỹ thuật, máy lắc sàng,...	
102	Tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của BTN ở trạng thái rời.	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041; AASHTO T209	Bình đựng mẫu, cân, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, áp kế, chân không kế, nhiệt kế, tủ sấy, khay đựng mẫu,...	
103	Tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của BTN đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726; AASHTO T 166	Cân, bể đựng nước, dây treo và giỏ đựng, tủ sấy, nhiệt kế,...	
104	Độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân kỹ thuật, chảo, bay,...	
105	Hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Máy nén marshall, cung lực, đồng hồ biến dạng, khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, bay trộn, cân kỹ thuật, thước kẹp, muôi múc, thìa, bay trộn, thanh gạt,..	
106	Độ rỗng dư, độ rỗng cốt liệu, độ rỗng lấp đầy nhựa, độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-9:2011; ASTM D3203; AASHTO T269	Bình đựng mẫu, cân, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, áp kế, chân không kế,	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
			nhiệt kế, tủ sấy, khay đựng mẫu,...	
107	Mô đun đàn hồi của bê tông nhựa, đá gia cố nhựa	TCCS38:2022/TCĐBVN;	Máy nén marshall, cung lực, đồng hồ biến dạng, khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, bay trộn, cân kỹ thuật, thước kẹp, muôi múc, thìa, bay trộn, thanh gạt,...	
108	Cường độ chịu kéo uốn của bê tông nhựa	TCCS38:2022/TCĐBVNTCVN862:2011	Máy nén marshall, cung lực, đồng hồ biến dạng, khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, bay trộn, cân kỹ thuật, thước kẹp, muôi múc, thìa, bay trộn, thanh gạt,...	
109	Tổn thất Cantabro	TCVN 11415:2016	Máy xác định độ mài mòn theo phương pháp Los Angeles, thiết bị đầm Marshall, cân, ...	
<b>X</b>	<b>GẠCH XÂY</b>			
110	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Máy nén thủy lực, máy cưa, thước đo, bay, chảo, các miếng kính,...	- Nguyễn Văn Hòa - Lê Hoàng Chính - Đinh Thanh Tùng
111	Xường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén thủy lực, máy cưa, thước đo, bay, chảo, các miếng kính,...	
112	Cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu,...	
113	Độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, bình cao cổ, cân kỹ thuật, dầu hỏa,...	
114	Khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước đo,...	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
115	Độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật, thước đo, cát tiêu chuẩn, miếng giấy, ...	
116	Vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009	Thùng giữ ẩm có nắp đậy, thước đo, ...	
117	Sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009	Thiết bị thử sự thoát muối, khay đựng, bình nước, ...	
<b>XI</b>	<b>GẠCH BLOC BÊ TÔNG, GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN</b>			- Nguyễn Văn Hòa - Lê Hoàng Chính - Đinh Thanh Tùng
118	Gạch bloc bê tông: Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ rỗng, độ thấm nước, độ hút nước	TCVN 6477:2016	Máy nén, cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, thước lá thép, thước kẹp, ...	
119	Gạch bê tông tự chèn: Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 6476:1999	Máy nén, cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, thước lá thép, thước kẹp, ...	
<b>XII</b>	<b>PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG</b>			
120	Xác định độ pH, nhiệt độ	TCVN 6492:2011	Máy cắt, búa, đục, túi đựng mẫu, búa, cối, chày đằm, máy nghiền, sàng, cân kỹ thuật, ống đong, bình định mức, giấy chỉ thị Ph, nhiệt kế, hóa chất, nước cất, ...	- Nguyễn Ngọc Thanh - Đinh Thanh Tùng
121	Xác định hàm lượng cặn	TCVN 4560:1988	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt, ...	
122	Xác định độ kiềm $\text{HCO}_3^-$ , Các định khí Canbonic ( $\text{CO}_2$ tự do và ăn mòn)	TCXD 81:1981	Cối và chày sứ, sàng phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy lắc, phễu lọc, pipet, ...	
123	Xác định độ cứng: Cacbonat, toàn phần,	TCXD 81:1981	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút,	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
	không cacbonat		bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
124	Canxi( $\text{Ca}^{2+}$ ), magie( $\text{Mg}^{2+}$ )	TCVN 6224:1996	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
125	Sắt( $\text{Fe}^{2+}$ ), Sắt( $\text{Fe}^{3+}$ )	TCXD 81:1981	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
126	Clorua( $\text{Cl}^-$ ),	TCVN 6194:1996	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
127	Sunphat( $\text{SO}_4^{2-}$ )	TCVN 6200:1996	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
128	Amoniac và Amoni ( $\text{NH}_4^+$ )	TCVN 6179-1:1996	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
129	Natri( $\text{Na}^+$ ), Kali( $\text{K}^+$ )	TCVN 6196-3:2000	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
			vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
130	Độ oxi hoá	TCXD 81 : 1981	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
131	Nitrit(NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> ), Nitrat(NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	TCXD 81 : 1981	Cốc mỏ, lò sấy, ống hút, bình hút ẩm, ống chuẩn độ vi lượng, phễu thủy tinh, giấy lọc, Bếp điện, lò nung, chén sứ chịu nhiệt,...	
<b>XIII</b>	<b>THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG</b>			
132	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2022; ASTM D1586; AASHTO T206; TB 10018-2018	Thiết bị khoan tạo lỗ, đầu xuyên, bộ búa đóng, đầu xuyên, cần khoan,...	- Nguyễn Văn Hòa - Nguyễn Phong Phúc - Lê Hoàng Chính - Đinh Thanh Tùng - Nguyễn Ngọc Thanh
133	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (VST)	TCVN 10184:2021; ASTM D2573-08; AASHTO T223; TB 10018-2018	Đồng hồ cắt cánh, cánh cắt, cần nối, dụng cụ tháo mở,...	
134	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT và CPTu)	TCVN 9352:2012; ASTM D5778; TB 10018-2018	Đầu xuyên, mũi côn, mạng xông đo ma sát, cần nối, thiết bị tạo lực nén, thiết bị đo,...	
135	Thí nghiệm nén ngang (DMT, PMT)	ASTM D4719 TB 10018-2018	Mũi xuyên, màng thép, bình khí nén, hộp điều khiển, ...	
136	Thí nghiệm xuyên động DCP	ASTM D7380, D6951; TB 10018-2018	Thiết bị xuyên DCP, dụng cụ lắp ghép thiết bị, dầu bôi	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
			tron, ren khóa bộ phận lắp ghép,...	
137	Áo đường mềm - Xác định môđun đàn hồi chung của kết cấu áo đường bằng cân đo vồng Benkelman	TCVN 8867:2011	Cân đo vồng Benkelman, xe đo vồng, kích thủy lực, giấy ô li, nhiệt kế, ...	
138	Áo đường mềm - Xác định môđun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; AASHTO T221/T222; ASTM D1195/	Hệ thống cất tải, kích thủy lực, tấm ép cứng, đồng hồ biến dạng, giá đỡ đồng hồ, cát khô, thước ni vô,...	
139	Mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012; TB 10018-2018	Tấm nén, các thiết bị cất tải, neo giữ, đồng hồ đo biến dạng,...	
140	Chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011	Kích gia tải, dụng cụ đo lực, đầu xuyên, đầu nổi, cần nổi, đồng hồ đo biến dạng, giá đỡ đồng hồ, tấm gia tải, hệ thống cất tải,...	
141	Độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	22TCN 346:2006; TCVN 8729-2012; AASHTO T191; ASTM D1556; ASTM D4914;	Bộ phễu rót cát, cát chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng, dao, xẻng, thìa,...	
142	Độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012	Cân kỹ thuật, hộp nhôm, bình hút ẩm, cón 960C, pipet, dụng cụ đào đất, khay đựng,...	
143	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012; ASTM D2937;	Dao vòng, cân kỹ thuật, thước kẹp, cân kỹ thuật, dụng cụ đào đất,...	
144	Độ chặt của đất sau đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012; ASTM D1556; AASHTO T191;	Cân kỹ thuật, hộp nhôm, bình hút ẩm, cón 960C, pipet, dụng cụ đào đất, khay	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
			đụng,...	
145	Độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước thẳng dài 3m, con nôm, chổi quét, ...	
146	Mặt đường ô tô – Xác định độ nhám của mặt đường bằng phương pháp rắc cát – thử nghiệm	TCVN 8866:2011	Cát tiêu chuẩn, ống đong cát, bàn xoa, bàn chải sắt, thước, cân kỹ thuật, ...	
147	Thí nghiệm nhỏ cọc	ASTM D3689	Kích thủy lực, đầu đọc, đồng hồ biến dạng, giá đỡ,...	
148	Thí nghiệm đẩy ngang cọc	ASTM D3966	Máy đo biến dạng ngang, kích thủy lực, đầu đọc, đồng hồ biến dạng, giá đỡ,...	
149	Cọc - Phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143	Hệ thống chất tải, kích thủy lực, tấm nén, đồng hồ biến dạng,...	
150	Thử tải uốn, nén cấu kiện bê tông cốt thép	ASTM D6272;	Hệ gia tải, thiết bị đo,...	
151	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012; ASTM D6760	Thiết bị siêu âm cọc khoan nhồi	
152	Kiểm tra bê tông – mùn đầu cọc	TCVN 9395:2012	Siêu âm, tán xạ Gamma có đặt ống trước	
153	Độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731:2024;	Vòng chắn, thiết bị cấp nước, thiết bị tự động điều chỉnh mực nước, , đồng hồ bấm giây, thước, ...	
154	Hệ số thấm của đất đá chứa nước bằng phương pháp hút nước thí nghiệm từ lỗ khoan	TCVN9148:2012;	Máy bơm, dụng cụ đo mực nước, dụng cụ đo lưu lượng nước, dụng cụ đo nhiệt độ, ống lọc, nút bịt, ...	
155	Độ thấm nước của đá bằng phương pháp thí nghiệm ép nước vào lỗ khoan	TCVN 9149:2024	Máy bơm, dụng cụ đo mực nước, dụng cụ đo lưu lượng nước, dụng cụ đo nhiệt độ,	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
			ống lọc, nút bịt khí nén, ...	
156	Đo áp lực nước lỗ rỗng trong đất, lún mặt, lún sâu nền đất	TCVN 8869:2011; ASTM D5092; AASHTO T254	Giếng khoan trắc MNN, máy đo mực nước ngầm, hệ thống đo áp lực nước lỗ rỗng loại hở, hệ thống đo áp lực nước lỗ rỗng loại kín,...	
157	Đo chuyển vị ngang của đất nền(inclinometer)	ASTM D6230:98;; AASHTO T252	Máy đo inclinomete	
158	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	Súng bật nảy	
159	Xác định cường độ chịu nén của bê tông bằng phương pháp siêu âm	TCVN 13536:2022	Thiết bị siêu âm	
160	Xác định khuyết tật của bê tông bằng phương pháp siêu âm	TCVN 13537:2022	Thiết bị siêu âm	
161	Phương pháp đo điện thế kiểm tra khả năng ăn mòn cốt thép trong bê tông	TCVN 9348:2012	Máy đo độ ăn mòn kim loại	
162	Xác định cường độ nén của bê tông bằng phương pháp kết hợp siêu âm và súng nảy	TCVN 9335:2012; ASTM C805M;	Súng bật nảy, thiết bị siêu âm bê tông...	
163	Xác định thử không phá hủy mối hàn – bằng phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2000; BS 3923-1 : 1986	Máy siêu âm mối hàn	
164	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012;	Thiết bị đo chiều dày lớp bê tông bảo vệ; thiết bị đo đường kính, vị trí cốt thép.	
165	Thăm dò điện - Phương pháp điện trở	TCVN 9432:2012 TCXD 161:1987	Máy thu và máy phát, các trạm thăm dò điện và các thiết bị, dụng cụ kèm theo	
166	Đo địa chấn trong hố khoan	ASTM D4428 ASTM D7400-08	Máy khoan tạo lỗ, Thiết bị thu phát đo địa chấn, ...	
<b>XIV</b>	<b>THÍ NGHIỆM DÂY ĐIỆN, DÂY CÁP ĐIỆN, DÂY TÍN HIỆU</b>			

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Thiết bị	Thí nghiệm viên
167	Kích thước, đường kính vỏ ngoài, đường kính sợi chiều dày cách điện, độ bền kéo và giãn dài khi đứt	TCVN 6614:2008; TCVN 5935:2013		- Nguyễn Văn Hòa - Lê Hoàng Chính - Đinh Thanh Tùng
168	Điện trở của ruột dẫn, điện trở cách điện	TCVN 6610:2014; TCVN 5935:2013;		
169	Đường kính và dung sai dây đồng	TCVN 5933:1995; TCVN 6612:2007		
<b>XV</b>	<b>PHỤ GIA HOÁ HỌC CHO BÊ TÔNG</b>			
170	Hàm lượng chất khô, Tỷ trọng, Độ pH, Hàm lượng chất khô,	TCVN 8826: 2024		- Nguyễn Văn Hòa

### 3. Cam kết

Công ty Cổ phần tư vấn Khảo sát và Phát triển Đô thị Việt Nam cam kết:

- Thông tin cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố;
- Cập nhật khi có thay đổi theo quy định

Nơi nhận:

- Web: [www.Ucsvietnam.vn](http://www.Ucsvietnam.vn)
- Sở xây dựng thành phố Hà Nội
- Lưu VT

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN  
KHẢO SÁT VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM**



**GIÁM ĐỐC**  
*Trần Thị Kim Châu*

## DANH MỤC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CHÍNH VÀ THÍ NGHIỆM VIÊN

(Kèm theo quyết định số 113/2026/QĐ-UCS, ngày 08/04/2026 của Công ty CP tư vấn Khảo sát và Phát triển Đô thị Việt Nam)

### 1. Danh mục thiết bị chính

Stt	Tên thiết bị	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Số Seri	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
1	Máy nén tam liên trung áp WG-1C	Trung Quốc	2024	000872308004	12/03/2027	
2	Máy nén tam liên trung áp WG-1C	Trung Quốc	2025	00883518	12/03/2027	
3	Máy cắt phẳng 3 tốc độ ZJ (SDJ-1)	Trung Quốc	2020	112	25/02/2027	
4	Máy nén nở hông YYW-2	Trung Quốc	2020	N/A	04/01/2027	
5	Hệ thống thí nghiệm nén ba trục tĩnh, TSZ 25-3	Trung Quốc	2017	E3621	12/02/2027	
6	Máy nén CBR-2	Trung Quốc	2019	174493	04/01/2027	
7	Máy nén bê tông STYE 2000	Trung Quốc	2020	140619	04/01/2027	
8	Máy kéo thép WE - 1000B	Trung Quốc	2020	1593	04/01/2027	
9	Máy nén vữa TYA - 300	Trung Quốc	2019	049	04/01/2027	
10	Thiết bị cắt cánh	Trung Quốc	2023	ODXOOOO46	04/01/2027	
11	Tủ sấy 101 lít HN101	Trung Quốc	2019	4249.25	04/01/2027	
12	Cân điện tử 300g/0,001g	Nhật	2019	062030140	12/02/2027	
13	Cân điện tử 3200 g / 0,01 g	Mỹ	2019	B35215	04/01/2027	
14	Cân điện tử 15 kg / 0,5 g	Mỹ	2020	8335190092	04/01/2027	
15	Nhiệt kế -10 - 110°C	Hàn Quốc	2019	N/A	04/01/2027	
16	Nhiệt kế -10 -250°C	EU	2019	N/A	04/01/2027	
17	Lò nung 1200 độ C SX2-2.5-12	Trung Quốc	2019	LL.254371	12/02/2027	
18	Máy đo độ PH	Trung Quốc	2025	KL125864	04/01/2027	
19	Kích thủy lực	Trung Quốc	2019	30125	04/01/2027	
20	Máy siêu âm bê tông	Italia	2018	C369N/BA/0048	04/01/2027	
21	Thiết bị dò vị trí cốt thép IWIN	Trung Quốc	2018	21985	04/01/2027	
22	Búa thử bê tông	Thụy sĩ	2018	137399	04/01/2027	
23	Máy đo chuyển vị ngang Inclinometer	Mỹ	2019	Số hiệu đầu dò 2036842	04/01/2027	

<i>Stt</i>	<i>Tên thiết bị</i>	<i>Nơi sản xuất</i>	<i>Năm sản xuất</i>	<i>Số Seri</i>	<i>Tình trạng hiệu chuẩn</i>	<i>Ghi chú</i>
24	Đồng hồ đo biến dạng 50mm	Trung Quốc	2019	I.143832	12/02/2027	
25	Máy đo điện trở của đất. model: MRU200	EU	2018	N/A	12/02/2027	
26	Máy khoan và thiết bị thí nghiệm SPT		2024	M02450	04/01/2027	
27	Máy khoan và thiết bị thí nghiệm SPT	Trung Quốc	2024	M03144	04/01/2027	
28	Máy khoan và thiết bị thí nghiệm SPT	Trung Quốc	2024	M03366	04/01/2027	
29	Máy khoan và thiết bị thí nghiệm SPT	Trung Quốc	2024	M02151	04/01/2027	
30	Máy khoan và thiết bị thí nghiệm SPT	Trung Quốc	2024	M03247	04/01/2027	
31	Máy khoan và thiết bị thí nghiệm SPT	Trung Quốc	2024	M03289	04/01/2027	
32	Máy khoan và thiết bị thí nghiệm SPT	Trung Quốc	2024	M02256	04/01/2027	
33	Máy khoan và thiết bị thí nghiệm SPT	Trung Quốc	2024	M02773	04/01/2027	
34	Máy đầm CBR/PROTOR tự động STDJ-3	Trung Quốc	2019			
35	Máy khuấy đất H-4260A.4F	Trung Quốc	2019			
36	Máy lọc sàng STSJ-3	Trung Quốc	2019			
37	Tỷ trọng kế 151H (H-4242)	Mỹ	2019			
38	Tỷ trọng kế 152H (H-4241)	Mỹ	2019			
39	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande H-4235	Trung Quốc	2019			
40	Thiết bị chùy Vaxiliep ZY-1	Trung Quốc	2019			
41	Bộ dụng cụ xác định giới hạn dẻo của đất S178	Ý	2019			

<i>Stt</i>	<i>Tên thiết bị</i>	<i>Nơi sản xuất</i>	<i>Năm sản xuất</i>	<i>Số Seri</i>	<i>Tình trạng hiệu chuẩn</i>	<i>Ghi chú</i>
42	Bộ dao vòng lấy mẫu hiện trường	Việt Nam	2019			
43	Thiết bị đổ cát trong hố đào (phễu rót cát) S234 KIT	Ý	2019			
44	Khuôn CBR tiêu chuẩn	Việt Nam	2019			
45	Máy thử độ mài mòn Los Angeles	Trung Quốc				
46	Cần Benkenman	Trung Quốc				
47	Bộ dụng cụ xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời QR-1	Trung Quốc	2019			
48	Bộ cối chày Proctor tiêu chuẩn	Việt Nam	2019			
49	Bộ cối chày Proctor cải tiến (06 cối + 1 chày )	Việt Nam	2019			
50	Thiết bị thấm cột nước thay đổi TST-55	Trung Quốc	2019			
51	Thiết bị thấm cột nước không thay đổi TST-70	Trung Quốc	2019			
52	Bộ trương nở đất WZ-2	Trung Quốc	2019			
53	Bộ co ngót đất S175 + S176	Ý	2019			
54	Dao vòng Ø61 x 20 mm	Trung Quốc	2019			
55	Bếp cát MT-1A	Trung Quốc	2019			
56	Sàng đất ASTM W.S.Tyler	Mỹ	2019			
57	Sàng đất TCVN W.S.Tyler	Mỹ	2019			
58	Bình hút ẩm không vôi	Trung Quốc	2019			
59	Bình tỷ trọng 100ml	Trung Quốc	2019			
60	Hộp nhôm 35x55 mm	Việt Nam	2019			
61	Bình tam giác thủy tinh 50 ml	Trung Quốc	2019			
62	Bình tam giác thủy tinh 100 ml	Trung Quốc	2019			
63	Bình tam giác thủy tinh 250 ml	Trung Quốc	2019			
64	Bình tam giác thủy tinh 500 ml	Trung Quốc	2019			
65	Bình tam giác thủy tinh 1000 ml	Trung Quốc	2019			
66	Ống đong thủy tinh 50 ml	Trung Quốc	2019			

<i>Stt</i>	<i>Tên thiết bị</i>	<i>Nơi sản xuất</i>	<i>Năm sản xuất</i>	<i>Số Seri</i>	<i>Tình trạng hiệu chuẩn</i>	<i>Ghi chú</i>
67	Ống đong thủy tinh 100 ml	Trung Quốc	2019			
68	Ống đong thủy tinh 250 ml	Trung Quốc	2019			
69	Ống đong thủy tinh 500 ml	Trung Quốc	2019			
70	Ống đong thủy tinh 1000 ml	Trung Quốc	2019			
71	Pipet thủy tinh 100 ml	Trung Quốc	2019			
72	Pipet thủy tinh 50 ml	Trung Quốc	2019			
73	Pipet thủy tinh 25 ml	Trung Quốc	2019			
74	Pipet thủy tinh 10 ml	Trung Quốc	2019			
75	Pipet thủy tinh 5 ml	Trung Quốc	2019			
76	Bộ cối chày bằng đồng làm tỷ trọng	Việt Nam	2019			
77	Bộ cối sứ, chày đầu bịt cao su	Trung Quốc	2019			
78	Khay mẫu đựng mẫu	Việt Nam	2019			
79	Tấm kính trắng (80x80x3) mm	Việt Nam	2019			
80	Bát sứ đựng đất để làm chảy dẻo	Trung Quốc	2019			
81	Dao Spatula, 4"	Mỹ	2019			
82	Thước kẹp (200/0,01 mm)	Trung Quốc	2019			
83	Bình nhựa tia nước (500 ml)	Trung Quốc	2019			
84	Bình nhựa tia nước (250 ml)	Trung Quốc	2019			
85	Quả bóp cao su	Việt Nam	2019			
86	Bàn cân thủy tinh	Việt Nam	2019			
87	Đồng hồ bấm giây	Trung Quốc	2019			
88	Máy cất nước	Trung Quốc	2019			
89	Bể ổn nhiệt HHW-2	Trung Quốc	2019			
90	Máy khuấy từ	Trung Quốc	2019			
91	Bình hút ẩm có vòi	Trung Quốc	2019			
92	Tủ đựng hóa chất	Việt Nam	2019			
93	Máy siêu âm cục khoan nhồi	Mỹ	2019			

## 2. Danh sách thí nghiệm viên

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ/Văn bằng chứng chỉ	Vị trí/Chức vụ	Hợp đồng lao động	Ghi chú
1	Nguyễn Phong Phúc	26/06/1986	Kỹ sư địa chất công trình CC Quản lý phòng TN CC thí nghiệm cơ lý đất CC thí nghiệm toàn vẹn cọc	Phó giám đốc	01/2018/HĐLD-VN Ngày 25/05/2018	
2	Đình Thanh Tùng	20/10/1989	Kỹ sư Cầu hầm Chứng chỉ quản lý phòng thí nghiệm Chứng chỉ thí nghiệm không phá hủy	Trưởng phòng TN	10/2023/HĐLD-VN Ngày 11/07/2023	
3	Nguyễn Ngọc Thanh	28/11/1982	Kỹ sư thủy lợi CC đo điện trở dây dẫn CC thí nghiệm mẫu nước	Nhân Viên	01/2018/HĐLD-VN Ngày 25/05/2018	
4	Nguyễn Văn Hòa	19/01/1995	Kỹ sư địa chất công trình CC Quản lý phòng TN CC thí nghiệm cơ lý đất	Nhân Viên	01/2024/HĐLD-VN Ngày 03/01/2024	
5	Lê Hoàng Chính	16/02/1983	Kỹ sư địa chính CC thí nghiệm cơ lý đất CC thí nghiệm toàn vẹn cọc	Nhân Viên	04/2024/HĐLD-VN Ngày 26/05/2024	

**3. Tổ chức cam kết:**

- Thiết bị thí nghiệm đáp ứng yêu cầu để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố;
- Thiết bị được kiểm định/hiệu chuẩn theo quy định (nếu thuộc đối tượng phải hiệu chuẩn);
- Thí nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thí nghiệm;
- Thí nghiệm viên được bố trí thực hiện đúng các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính phù hợp của thiết bị và năng lực của thí nghiệm viên tham gia hoạt động thí nghiệm.

Nơi nhận:

- Web: [www.Ucsvietnam.vn](http://www.Ucsvietnam.vn)
- Sở xây dựng thành phố Hà Nội
- Lưu VT

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN**

**KHẢO SÁT VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM**



**GIÁM ĐỐC**

*Công Thị Kim Châu*